

Số:

Đắk Nông, ngày tháng 01 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật**  
**về an toàn thực phẩm**

Thực hiện Quyết định số 235/QĐ-SCT ngày 19/12/2023 của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Đắk Nông về việc kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

Xét Báo cáo số 02/BC-ĐKT ngày 04/01/2024 của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 235/QĐ-SCT về kết quả kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm. Sở Công Thương thông báo kết quả kiểm tra như sau:

**I. Khái quát về đối tượng, thời gian kiểm tra**

1. Đối tượng kiểm tra

Đối tượng kiểm tra gồm có 12 cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành công thương. Tại thời điểm kiểm tra có 11 cơ sở đang hoạt động (*kinh doanh bánh; kẹo; nước giải khát; sữa chế biến; ...*); 01 cơ sở đã tạm ngừng hoạt động kinh doanh (*kinh doanh sữa chế biến*) nên Đoàn không thực hiện kiểm tra.

2. Thời gian kiểm tra

Thời gian kiểm tra từ ngày 21/12/2023 đến ngày 29/12/2023, kiểm tra tại 12 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn 04 huyện và thành phố.

**II. Nội dung kiểm tra**

Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và các văn bản quy phạm pháp luật khác về an toàn thực phẩm có liên quan, cụ thể như sau:

## 1. Kiểm tra hồ sơ liên quan đến quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
- Kiểm tra hồ sơ xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm tại cơ sở;
- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
- Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu hoặc Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu (*nếu cơ sở kinh doanh sản phẩm rượu*);
- Hợp đồng mua bán hoặc hoá đơn, chứng từ liên quan đến quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại cơ sở;
- Biên bản thanh tra, kiểm tra gần nhất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*nếu có*).

## 2. Kiểm tra điều kiện kinh doanh thực phẩm

- Cơ sở vật chất: Địa điểm, môi trường; thiết kế, kết cấu, bố trí nhà xưởng kinh doanh; hệ thống thông gió; hệ thống chiếu sáng; nhà vệ sinh, phòng thay đồ bảo hộ lao động; hệ thống thu gom, xử lý rác thải,...
- Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, kinh doanh thực phẩm; thiết bị, dụng cụ vệ sinh; thiết bị giám sát, đo lường; phương tiện rửa và khử trùng tay; phương tiện phòng chống côn trùng và động vật gây hại;...
- Bảo quản thực phẩm trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm: Kho bảo sản phẩm thực phẩm; giá, kệ để sản phẩm thực phẩm kinh doanh; thiết bị kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm; phương tiện vận chuyển sản phẩm thực phẩm kinh doanh;....

## III. Kết quả kiểm tra

**Bảng 1. Số lượng cơ sở kiểm tra đạt**

TT	Loại hình cơ sở thực phẩm	Tổng số cơ sở	Số cơ sở được kiểm tra	Số cơ sở đạt	Tỷ lệ % đạt
1	Sản xuất, kinh doanh	0	0	0	0
2	Kinh doanh	11	11	10	90,91
<b>Tổng số (1+2)</b>		<b>11</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>90,91</b>

**Bảng 2: Tình hình vi phạm và xử lý vi phạm**

<b>TT</b>	<b>Tổng hợp tình hình vi phạm</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ % so với số được kiểm tra</b>
1	Tổng số cơ sở được kiểm tra	11	100
2	Số cơ sở có vi phạm	01	90,91
3	Số cơ sở vi phạm bị xử lý	0	0
Trong đó:			
3.1. Hình thức phạt chính:			
	Số cơ sở bị cảnh cáo	0	0
	Số cơ sở bị phạt tiền	0	0
	Tổng số tiền phạt	0	0
3.2. Hình thức phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả			
	Số cơ sở bị đình chỉ hoạt động	0	0
	Số cơ sở bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	0	0
	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành sản phẩm	0	0
	Số sản phẩm bị đình chỉ lưu hành	0	0
	Số cơ sở bị tiêu hủy sản phẩm	0	0
	Số cơ sở phải khắc phục về nhãn	0	0
	Số loại sản phẩm có nhãn phải khắc phục	0	0
	Số cơ sở bị đình chỉ lưu hành tài liệu quảng cáo	0	0
	Số loại tài liệu quảng cáo bị đình chỉ lưu hành	0	0
	Các xử lý khác	0	0
3.3	Chuyển hồ sơ sang cơ quan khác xử lý	0	0
3.4	Số cơ sở có vi phạm nhưng không xử lý (chỉ nhắc nhở)	01	90,91

**Bảng 3: Nội dung vi phạm chủ yếu tại cơ sở thực phẩm**

<b>TT</b>	<b>Nội dung vi phạm</b>	<b>Số cơ sở được kiểm tra</b>	<b>Số cơ sở vi phạm</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
<b>Đối với cơ sở kinh doanh</b>				
1	Chưa thường xuyên duy trì vệ sinh định	11	0	0

	kỳ tại kinh doanh thực phẩm			
2	Chưa thực hiện khám sức khỏe định kỳ đối với chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm	11	0	0
3	Sắp xếp, bố trí tại khu vực kinh doanh chưa hợp lý	11	0	0
4	Chưa thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn thực phẩm theo quy định	11	0	0

#### **IV. Nhận xét, đánh giá chung**

##### **1. Ưu điểm**

- Đa số các cơ sở đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ đối với chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm; đã tổ chức xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm;

- Các cơ sở được kiểm tra đã tuân thủ các quy định về thiết kế, bố trí khu vực kinh doanh thực phẩm cơ bản đảm bảo theo quy định; tuân thủ các quy định về bảo quản thực phẩm do tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến đã công bố.

- Các cơ sở kinh doanh thực phẩm đã được Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

##### **2. Tồn tại**

Qua công tác kiểm tra nhận thấy 01 cơ sở kinh doanh thực phẩm đã được Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (còn hiệu lực đến ngày 21/12/2024). Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động kinh doanh đã thay đổi tên và người đại diện theo pháp luật của cơ sở nhưng chưa thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định. Do vậy, Đoàn kiểm tra đã yêu cầu cơ sở liên hệ với Trung tâm phục vụ hành chính công để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

##### **3. Kiến nghị**

###### **3.1. Đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm**

Yêu cầu các cơ sở kinh doanh thực phẩm tiếp tục duy trì việc vệ sinh định kỳ tại nơi kinh doanh để tránh nguồn lây nhiễm chéo trong quá trình kinh doanh thực phẩm; sắp xếp, bố trí khu vực bảo quản thực phẩm hợp lý; thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh thực phẩm theo quy định; thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm khi thay đổi tên và người đại diện theo pháp luật của cơ sở.

###### **3.2. Đối với phòng Quản lý công nghiệp - Sở Công Thương**

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất,

kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn cơ sở trong việc khắc phục các tồn tại hạn chế mà Đoàn chỉ ra.

Trên đây là Thông báo kết quả kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, Sở Công Thương yêu cầu các cơ sở kinh doanh thực phẩm được kiểm tra; các phòng và đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Thanh tra tỉnh (để bc);
- Lãnh đạo Sở (để bc);
- UBND các huyện, thành phố;
- Thành viên Đoàn kiểm tra;
- Lưu: VT, QLCN (N).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Dương Thị Quỳnh Mai**